UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TH-THCS MƯỜNG BẰNG

Số: 90/TB-TH&THCSMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Mường Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của trường TH&THCS Mường Bằng năm học 2022 – 2023 (Biểu 09)

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp			
		Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I	Điều kiện tuyển sinh	- HS hoàn thành chương trình Tiểu học, trong độ tuổi theo quy định. - HS chuyển trường phải có đủ hồ sơ theo quy định.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải có đủ hồ sơ theo quy định.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải có đủ hồ sơ theo quy định.	- HS đủ điều kiện lên lớp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - HS chuyển trường phải có đủ hồ sơ theo quy định.
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Chương trình Giáo dục phổ thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mai Sơn.			
IIII	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lí, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Hoạt động Ban đại diện CMHS đúng văn bản chỉ đạo hiện hành. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định. - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THCS, trường phổ thông có nhiều cấp học, học tập và làm theo tấm gương đạo đức phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, siêng năng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.			
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- Nhà trường đảm bảo đủ phòng học, bảng từ, bàn ghế, thiết bị dạy học. - Được trang bị cơ sở vật chất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. - Tuyên truyền đầy đủ các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đuối nước... Phối hợp với Y tế địa phương để khám SKBĐ. - Tham gia hoạt động trải nghiệm. - Học sinh tham gia hoạt động Đội, tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào VHVN-TDTT tại trường, huyện, được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Tham gia các hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,…).			

		- Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quan môi trường sư phạm.	
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	- Đạo đức học sinh: 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phấn đấu trên 99% lên lớp thẳng và 100% được công nhận tốt nghiệp THCS. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với học sinh.	
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	- Tỉ lệ lên lớp thẳng trên 99%. - Duy trì sĩ số ổn định.	- Tỉ lệ Tốt nghiệp THCS 100 %. - Tỉ lệ đỗ tuyển sinh lớp 10: trên 60 % trong tổng số HS tham gia thi.

Mai Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

TRƯỜNG TIỂU HỌC VÀ THCS MƯỜNG BẰNG

Vũ Quỳnh Hương

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TH-THCS MƯỜNG BẰNG

Số: 91/TB-TH&THCSMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Mường Bằng, ngày 06 tháng6 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường TH&THCS Mường Bằng năm học 2022 – 2023 (Biểu 10)

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	520	144	122	135	119
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	381 (73,3)	92 (63,9)	92 (75,4)	102 (75,6)	95 (79,8)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	113 (21,7)	42 (29,2)	25 (20,5)	24 (17,8)	22 (18,5)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	23 (4,4)	9 (6,3)	5 (4,1)	7 (5.2)	20 (1,7)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,6)	1 (0,7)	0 (0)	2 (1,5)	0 (0)
II	**Số học sinh chia theo học lực**	520	144	122	135	119
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31 (6)	8 (5,6)	8 (6,6)	8 (5,9,)	7 (5,9)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	231 (44,4)	62 (43,1)	43 (35,2)	72 (53,3)	54 (45,4)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	255 (49)	73 (50,7)	71 (58,2)	53 (39,3)	58 (48,7)
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,6)	1 (0,6)	0 (0)	2 (1,5)	0 (0)
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0 (0)	0 (0)	0 (0)	0 (0)	0 (0)
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	517 (99,4)	143 (99,3)	122 (100)	133 (98,5)	119 (100)
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	31 (6)	8 (5,6)	8 (6,6)	8 (5,9,)	7 (5,9)
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	231 (44,4)	62 (43,1)	43 (35,2)	72 (53,3)	54 (45,4)

2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	8 (1,5)	2 (1,4)	2 (1,6)	4 (3)	0 0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	3 (0,6)	1 (0,6)	0 (0)	2 (1,5)	0 (0)
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	3/5	0	2/2	0/2	1/1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	0	1	1
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố					
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	119				
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	119				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	7 (5,9)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54 (45,4)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	58 (48,7)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	267/253	80/64	59/63	72/63	56/63
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	506	140	121	127	118

Mai Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

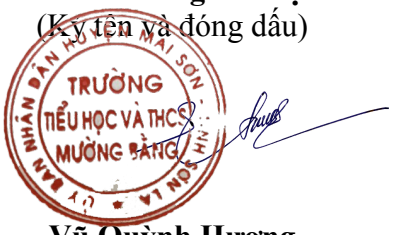

Vũ Quỳnh Hương

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TH-THCS MƯỜNG BẰNG

Số: 92/TB-TH&THCSMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Mường Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường TH&THCS Mường Bằng năm học 2022 – 2023 (Biểu 11)

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	13	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**		-
1	Phòng học kiên cố	13	1,25
2	Phòng học bán kiên cố	0	0
3	Phòng học tạm	0	0
4	Phòng học nhờ	0	0
5	Số phòng học bộ môn	0	0
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	-
7	Bình quân lớp/phòng học	01	-
8	Bình quân học sinh/lớp	40	-
III	**Số điểm trường**	01	-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	6.976.04	
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	3000	
VI	**Tổng diện tích các phòng**	1100	
1	Diện tích phòng học (m^2)	650	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	0	
3	Diện tích thư viện (m^2)	50	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	0	
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	50	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)	8	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6	2	2/3
1.2	Khối lớp 7	2	2/4
1.3	Khối lớp 8	2	2/3

1.4	Khối lớp 9	2	2/3
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6	1	1/3
2.2	Khối lớp 7	2	2/4
2.3	Khối lớp 8	1	1/3
2.4	Khối lớp 9	1	1/3
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)		
4	…		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	20	Số học sinh/bộ
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	**Ti vi**	3	
2	**Cát xét**	0	
3	**Đầu Video/đầu đĩa**		
4	**Máy chiếu OverHead/projector/vật thể**	12	
5	**Thiết bị khác...**		
6	**…..**		

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**		**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	3	1/13
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	12	12/13
5	Thiết bị khác...		
..	……		

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	0
XI	**Nhà ăn**	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0		
XIII	**Khu nội trú**	0		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	02		02		60/520
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

*(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**		x
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	
XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Mường Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Quỳnh Hương

UBND HUYỆN MAI SƠN
TRƯỜNG TH-THCS MƯỜNG BẰNG

Số: 93/TB-TH&THCSMB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Mường Bằng, ngày 06 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường TH&THCS Mường Bằng, năm học 2022 – 2023 (Biểu 12)

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30		1	25	3	1	1	15	14	0	7	20		
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	25													
1	Toán	4			5				2	3		2	3		
2	Lý	2			2				2				2		
3	Hóa	2			2				1	1		1	1		
	Sinh	2			2				1	1		1	1		
	Công nghệ	0			0				0			0			
	Thể dục	1				1			1			1			
	Âm nhạc	1				1			1				1		
	Mỹ Thuật	1				1			1				1		
	Tin học	1			1				1				1		
	Ngữ văn	5			5				3	2		2	3		
	Sử	2			1					1			1		
	Địa	1			1					1			1		
	Tiếng Anh	3			3				3				3		
	Giáo dục công dân	0													
II	**Cán bộ quản lý**	2													
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1					1		1			
III	**Nhân viên**	3													
1	Nhân viên văn thư														

2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện														
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên khác	1						1							

Mai Sơn, ngày 06 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

Vũ Quỳnh Hương